TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN N P** **TỈNH NINH THUẬN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 25/2018/DS – ST

Ngày: 16 – 10 – 2018

Tranh chấp "Chưa thừa kế theo pháp luật và quyền sở hữu tài sản"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN NP

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Vũ Thanh Long;**
Các Hội thẩm nhân dân: Ông Phạm Y;
Bà Lê Thị Mỹ Liên;
***- Thư ký phiên tòa*:** Ông Nguyễn Thanh Bình;
- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện NP tham gia phiên toà: Ông Ngô Văn Nghị - Kiểm sát viên.

Trong các ngày 03 và 16 tháng 10 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện NP, tỉnh Ninh Thuận xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 72/2017/TLST – DS ngày 12 tháng 10 năm 2017 về yêu cầu chia thừa kế là quyền sử dụng đất theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 18/2018/QĐXXST – DS, ngày 20 tháng 9 năm 2018 giữa các đương sự:

1. Đồng nguyên đơn: Bà Huỳnh Thị Kim L, sinh năm 1974 (có mặt).
Bà Huỳnh Thị M, sinh năm 1976 (có mặt).
2. Bị đơn: Ông Huỳnh Phi H, sinh năm 1970 (có mặt).
3. Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:
- Bà Huỳnh Thị D, sinh năm 1971 (có mặt).
- Bà Huỳnh Thị Lệ M, sinh năm 1980 (có đơn xin xét xử vắng mặt).
- Bà Huỳnh Thị Lệ H, sinh năm 1984 (có mặt).
- Bà Nguyễn Thị L, sinh năm 1973 (có mặt).

Cùng địa chỉ: thôn PT1, xã PS, huyện NP, tỉnh Ninh Thuận.
- Bà Huỳnh Thị Thu Trúc, sinh năm 1978 (có mặt).

Địa chỉ: thôn GG, xã HH, huyện NH, tỉnh Ninh Thuận.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và tại phiên tòa bà Huỳnh Thị Kim L và bà Huỳnh Thị M trình bày:

Năm 1986 Hợp tác xã PT1, xã PS giao khoán cho hộ gia đình bà tổng diện tích 1650m^2, thửa số 247 tờ bản đồ số 8. Thời điểm giao khoán hộ gia đình bà gồm 9 nhân khẩu là: Ông Huỳnh M, bà Nguyễn Thị T, ông Huỳnh Phi H, bà Huỳnh Thị D, bà Huỳnh Thị Thu T, bà Huỳnh Thị Lệ M, bà Huỳnh Thị Lệ H, bà Huỳnh Thị Kim L và bà Huỳnh Thị M. Năm 2015 mẹ bà chết, năm 2017 cha bà chết, khi cha mẹ còn sống có lập di chúc để lại thửa đất cho 5 chị em gái gồm Huỳnh Thị Kim L, Huỳnh Thị M, Huỳnh Thị Thu T, Huỳnh Thị Lệ H, Huỳnh Thị Lệ M không có phần của bà Huỳnh

Thị D. Đối với phần của cha mẹ, bà trong đất nhận khoán này, bà yêu cầu phân chia thừa kế. Thửa đất này ông Huỳnh Phi H đang quản lý sử dụng. Nay tại phiên tòa bà L, bà M yêu cầu hủy văn bản di chúc do ông Huỳnh M, bà Nguyễn Thị T lập ngày 30 – 5 – 2015 để chia thừa kế quyền sử dụng đất theo pháp luật cho 7 anh em, ai cũng có phần đồng thời bà có yêu cầu nhận bằng hiện vật là đất. Ngoài ra bà không có yêu cầu gì thêm.

Bị đơn ông Huỳnh Phi H trình bày:

Về quan hệ nhân thân và tài sản như lời trình bày của bà L, bà M là đúng sự thật. Trước yêu cầu khởi kiện của bà L, bà M ông có ý kiến như sau: Thửa đất số 247 tờ bản đồ số 8 xã Phước S có nguồn gốc là đất 5% do hợp tác xã cấp phát cho hộ gia đình, thời điểm cấp phát đất 5% hộ có 9 người gồm: Ông Huỳnh M, bà Nguyễn Thị T, bà Huỳnh Thị D, bà Huỳnh Thị Thu T, bà Huỳnh Thị Lệ M, bà Huỳnh Thị Lệ H, bà Huỳnh Thị Kim L, bà Huỳnh Thị M và ông Huỳnh Phi H. Nhưng tại phiên tòa hôm nay ông cho rằng đất do hợp tác xã cấp phát đất 5% là 500m^2 vào năm 1986 còn lại là do vợ chồng ông khai hoang, nhưng không có giấy tờ. Đất này ông đang trồng bắp và cam kết không xây dựng vật kiến trúc cũng như cây hoa màu lâu năm trên đất. Nay nguyên đơn bà Huỳnh Thị Kim L và bà Huỳnh Thị M khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết chia thừa kế quyền sử dụng theo pháp luật thửa đất của hộ gia đình cho 7 anh chị em, ông không đồng ý với yêu cầu khởi kiện vì thửa đất này đã cho vợ chồng ông. Ông để lại thửa đất này làm nơi thờ cúng cha mẹ. Khi còn sống cha, mẹ ông đã làm giấy tờ thửa đất này cho ông nhưng đã bị mất trộm không còn nữa. Việc bà L, bà M cung cấp cho Tòa án bản di chúc lập ngày 30 – 5 – 2015 của ông M, bà T (cha mẹ ông) thì ông cho rằng bản di chúc giả tạo, nhưng ông không yêu cầu giám định. Ngoài ra ông không có yêu cầu gì thêm.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan trình bày:

- Bà Huỳnh Thị Thu T, bà Huỳnh Thị D, bà Huỳnh Thị Lệ H trình bày: Về quan hệ nhân thân và tài sản thống nhất như lời trình bày của bà L, bà M. Đối với yêu cầu chia thừa kế quyền sử dụng đất theo pháp luật là thửa đất số 247 tờ bản đồ số 8 xã Phước S có nguồn gốc do Hợp tác xã giao khoán thì các bà có ý kiến sau: Thời điểm giao khoán thì các bà là thành viên trong hộ gia đình, bà T, bà D, bà H yêu cầu chia diện tích đất được giao khoán nói trên cho 7 nhân khẩu và đồng ý với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Phần các bà được nhận, các bà đồng ý tiếp tục giao lại cho ông Huỳnh Phi H quản lý, sử dụng khi nào có tranh chấp thì giải quyết khởi kiện sau. Nhưng tại phiên tòa hôm bà T, bà D, bà H không giao cho ông H quản lý, sử dụng nữa mà các bà yêu cầu được nhận hiện vật là đất. Các bà đồng ý với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và ngoài ra không yêu cầu gì thêm.

- Bà Huỳnh Thị Lệ M trình bày: Về quan hệ nhân thân và tài sản thống nhất như lời trình bày của bà L, bà M. Đối với yêu cầu chia thừa kế quyền sử dụng đất theo pháp luật là thửa đất số 247 tờ bản đồ số 8 xã Phước S có nguồn gốc do Hợp tác xã giao khoán thì bà có ý kiến sau: Thời điểm giao khoán thì bà là thành viên trong hộ gia đình, bà yêu cầu chia diện tích đất được giao khoán nói trên cho 7 nhân khẩu và đồng ý yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Bà yêu cầu được nhận hiện vật là đất. Ngoài ra bà không yêu cầu gì thêm,

- Bà Nguyễn Thị L: Sau khi kết hôn với ông Huỳnh Phi H, năm 2013 cha mẹ ông H có giao lại vợ chồng bà thửa đất số 247 tờ bản đồ số 8 diện tích 1650m^2 để canh tác, sử dụng từ đó cho đến nay. Hiện nay vợ chồng bà đang trồng bắp, có hàng

rào lưới B40, giàn dây thép không có trụ trên diện tích đất này. Bà không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của bà L, bà M vì đất này cha mẹ chồng bà đã cho vợ chồng bà. Ngoài ra bà không yêu cầu gì thêm,

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Ninh P tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán từ khi thụ lý vụ án theo đúng thẩm quyền, những người tham gia tố tụng đúng, đủ; tiến hành thu thập chứng cứ, tổ chức phiên họp kiểm tra việc giao nộp, công khai chứng cứ và hòa giải, tống đạt các văn bản tố tụng cho người tham gia tố tụng, chuyển hồ sơ cho Viện kiểm sát nghiên cứu Thẩm phán đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự; Hội đồng xét xử đảm bảo về thành phần, nguyên tắc xét xử; tại phiên tòa Hội đồng xét xử đã thực hiện đủ, đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về phiên tòa sơ thẩm; Thư ký chấp hành đúng quyền hạn, trách nhiệm theo quy định; Nguyên đơn, bị đơn có ý thức chấp hành các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Về nội dung vụ án, sau khi phân tích Kiểm sát viên đề nghị Hội đồng chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về phân chia tài sản thuộc sở hữu chung và chia thừa kế là quyền sử dụng đất tại thửa đất số 247 tờ bản đồ số 8 xã Phước S cho 7 phần. Đối với phần của ông M, bà T thì chia đều cho 7 người con và các đương sự phải chịu án phí, chi phí đo đạc định giá và giá trị tài sản trên đất theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Đồng nguyên đơn bà Huỳnh Thị M, Huỳnh Thị Kim L yêu cầu Tòa án hủy bỏ di chúc lập ngày 30 – 5 – 2015, phân chia thửa đất số 247 tờ bản đồ số 8 có diện tích là 1650m^2 xã Phước S cho các đồng sở hữu, đồng thừa kế. Đây là tranh chấp về thừa kế quyền sử dụng đất và tranh chấp về quyền sở hữu tài sản theo khoản 2, 5 Điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Bà Huỳnh Thị Lệ M có đơn xin vắng mặt căn cứ vào Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án xét xử vắng mặt bà M là có căn cứ.

[2]. *Nội dung giải quyết của Tòa án:*

2.1. Về quan hệ nhân thân: Tại phiên tòa nguyên đơn trình bày cha mẹ bà là ông Huỳnh M, bà Nguyễn Thị T. Ông Huỳnh M chết năm 2017, bà Nguyễn Thị T chết năm 2015. Ông M, bà T có 07 người con chung là Huỳnh Phi H, Huỳnh Thị D, Huỳnh Thị Thu T, Huỳnh Thị Lệ M, Huỳnh Thị Lệ H, Huỳnh Thị Kim L, Huỳnh Thị M ngoài ra cha mẹ bà không có con riêng, không có con nuôi. Lời khai của đồng nguyên đơn được phía bị đơn ông H và những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan công nhận là đúng. Căn cứ Điều 92 của Bộ luật tố tụng dân sự thì đây là tình tiết và sự kiện không phải chứng minh do một bên đưa ra bên kia thừa nhận và không phản đối.

2.2. Về nguồn gốc tài sản: Thửa số 247 tờ bản đồ số 8 có diện tích là 1650m^2 xã Phước S (nay là thửa 1084, 1085, 1086, 1087, 1088, 1089, 1090) tờ bản đồ số 25 xã Phước S) có nguồn gốc của Hợp tác xã thôn Phước T 1 giao khoán cho hộ gia đình ông Huỳnh M và được Ủy ban nhân dân huyện Ninh P cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho hộ ông Huỳnh M vào năm 1997. Quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, các đương sự đều thống nhất tại thời điểm giao đất khoán hộ ông Huỳnh M có 09 khẩu gồm: Ông Huỳnh M, bà Nguyễn Thị T, ông Huỳnh Phi H, bà Huỳnh Thị D, bà Huỳnh Thị Thu T, bà Huỳnh Thị Lệ M, bà Huỳnh Thị Lệ H, bà Huỳnh Thị Kim L và bà Huỳnh Thị M. Như vậy có đủ cơ sở xác định thửa đất số 247 tờ bản đồ số 8

có diện tích là 1650m^2 là tài sản thuộc sở hữu chung của các đồng sở hữu là ông Huỳnh M, bà Nguyễn Thị T, ông Huỳnh Phi H, bà Huỳnh Thị D, bà Huỳnh Thị Thu T, bà Huỳnh Thị Lệ M, bà Huỳnh Thị Lệ H, bà Huỳnh Thị Kim L, bà Huỳnh Thị M. Việc giao khoán căn cứ vào bình quân nhân khẩu, không phân biệt lao động chính, lao động phụ do đó các nhân khẩu có phần bằng nhau trong khối tài sản thuộc sở hữu chung.

2.3. Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa ông Huỳnh Phi H, bà Nguyễn Thị L cho rằng thửa đất số 247 tờ bản đồ số 8 có diện tích là 1650m^2 đã được ông M, bà T lúc còn sống tặng cho ông, bà đã sử dụng ổn định, trồng bắp, việc tặng cho có làm giấy tờ nhưng đã bị thất lạc. Tuy nhiên, ông H, bà L không đưa ra được tài liệu, chứng cứ chứng minh cho lời trình bày của mình là có căn cứ và hợp pháp nên không được chấp nhận. Mặt khác đây là tài sản thuộc sở hữu chung của 09 đồng sở hữu nên ông M, bà T không có quyền tặng cho nếu không được sự thống nhất của các đồng sở hữu chung.

2.4. Khi còn sống, ông M, bà T lập tờ di chúc đề ngày 30 – 5 – 2015, phân chia quyền sử dụng đất thửa đất số 247 tờ bản đồ số 8 có diện tích là 1650m^2 cho 05 người con là bà L, bà M, bà T, bà H và bà M. Xét nội dung di chúc vô hiệu một phần do ông M, bà T đã tự định đoạt toàn bộ tài tài sản thuộc sở hữu chung của các đồng sở hữu mà không có sự đồng ý của các đồng sở hữu. Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, những người thừa kế theo di chúc là bà L, bà M, bà T, bà H và bà M cùng thỏa thuận thống nhất hủy bỏ di chúc lập ngày 30 – 5 – 2015 để phân chia đều thửa đất cho 07 anh chị em. Xét đây là sự thỏa thuận tự nguyện của các đương sự, không trái đạo đức, pháp luật, các đồng thừa kế khác không có ý kiến phản đối nên được chấp nhận.

2.5. Thửa đất số 247 tờ bản đồ số 8 có diện tích là 1650m^2 xã Phước s, thực tế đo đạc là 1697m^2, việc diện tích tăng lên do quá trình sự dụng đất có sự biến động và quá trình sai số trong lúc đo đạc. Diện tích 1697m^2 được phân chia đều cho 09 người gồm ông Huỳnh M, bà Nguyễn Thị T, ông Huỳnh Phi H, bà Huỳnh Thị D, bà Huỳnh Thị Thu T, bà Huỳnh Thị Lệ M, bà Huỳnh Thị Lệ H, bà Huỳnh Thị Kim L và bà Huỳnh Thị M, mỗi người một phần là (1697m^2 : 9) = 188,55m^2. Như vậy ông M, bà T được diện tích khi phân chia là 188,55m^2 x 2 = 377,1m^2. Hiện nay ông M, bà T chết những người thừa kế đồng ý chia đều cho 7 người gồm ông Huỳnh Phi H, bà Huỳnh Thị D, bà Huỳnh Thị Thu T, bà Huỳnh Thị Lệ M, bà Huỳnh Thị Lệ H, bà Huỳnh Thị Kim L và bà Huỳnh Thị M, mỗi người một phần là (377,11m^2 : 7) = 53,87m^2. Như vậy ông H, bà D, bà T, bà M, bà H, bà L, bà M mỗi người được nhận tổng diện tích đất là 188,55m^2 + 53,87m^2 = 242,42m^2. Theo Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất huyện Ninh P thì diện tích đất phải được làm tròn số, không có số thập phân phía sau, vì để sau này dễ làm giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho các đương sự. Tại phiên tòa các đương sự cũng đồng ý theo trích lục và không yêu cầu hoàn tiền chênh lệch. Như vậy ông H, bà L, bà M có diện tích là 243m^2 và diện tích bà M, bà D, bà H, bà T là 242m^2.

2.6. Xét bà Huỳnh Thị Kim L, bà Huỳnh Thị M, bà Huỳnh Thị D, bà Huỳnh Thị Thu T, bà Huỳnh Thị Lệ M, bà Huỳnh Thị Lệ H yêu cầu nhận phần tài sản được phân chia bằng hiện vật là đất, Hội đồng xét xử thấy: Qua lời khai của các đương sự cũng như các tài liệu có trong hồ sơ thể hiện, gia đình bà L, bà M, bà M, bà D, bà T, bà H sinh sống bằng nghề nông nghiệp. Do đó, Hội đồng xét xử nghĩ chấp nhận yêu cầu

chia hiện vật bằng đất theo yêu cầu của bà Huỳnh Thị Kim L, bà Huỳnh Thị M, bà Huỳnh Thị Lệ M, bà Huỳnh Thị D, bà Huỳnh Thị Thu T, bà Huỳnh Thị Lệ H.

2.7. Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa ông Huỳnh Phi H cho rằng nguồn gốc đất là do hợp tác xã cấp phát đất 5% khoảng 500m^2 vào năm 1986 cho cha mẹ ông, bà L, bà D và ông, đất còn lại là do vợ chồng ông khai hoang, nhưng giấy tờ đã bị thất lạc và không đồng ý chia đất cho bà L, bà M, bà M, bà D, bà T, bà H vì cha mẹ đã cho vợ chồng ông. Hội đồng xét xử thấy rằng ông H thừa nhận nguồn gốc đất là do Hợp tác xã giao khoán cho hộ gia đình 500m^2 vào năm 1986 là phù hợp với các đồng thừa kế khác. Ông cho rằng vợ chồng ông có khai hoang nhưng giấy tờ đã bị thất lạc là không có căn cứ. Xét ý kiến của ông H không đồng ý chia đất cho bà L, bà M, bà M, bà D, bà T, bà H là không có phù hợp vì đất là đất nhận khoán của Hợp tác xã giao khoán cho hộ gia đình. Ông H hiện nay sống bằng nghề nông nghiệp, nghĩ nên chia hiện vật là đất.

2.8. Tài sản trên thửa đất gồm có rào lưới B40 trụ gỗ 49m^2, cao 2m trị giá 13.916.000đ, giàn dây thép không có trụ 70.000đ. Đối với cây trồng là bắp thì đã thu hoạch, còn các tài sản trên đất người nhận đất có nghĩa vụ hoàn lại giá trị cho ông vợ chồng ông H, bà L tương ứng với phần tài sản được nhận.

2.9. Xét ý kiến của đại diện Viện kiểm sát về việc đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà L, bà M là hoàn toàn có cơ sở nên cấp nhận.

[3]. Về án phí: Căn cứ Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự, Điều 6 khoản 1 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án của Ủy ban thường vụ Quốc hội 14.

Bà Huỳnh Thị Kim L, bà Huỳnh Thị M, bà Huỳnh Thị Lệ M, bà Huỳnh Thị D, bà Huỳnh Thị Thu T, bà Huỳnh Thị Lệ H và ông Huỳnh Phi H mỗi người phải chịu án phí dân sự sơ thẩm đối với kỷ phần thừa kế được nhận.

Bà Huỳnh Thị Kim L, bà Huỳnh Thị M, bà Huỳnh Thị Lệ M, bà Huỳnh Thị D, bà Huỳnh Thị Thu T, bà Huỳnh Thị Lệ H mỗi người phải chịu 300.000đ án phí dân sự sơ thẩm đối với phần tài sản trên đất.

Giá đất được xác định theo biên bản định giá ngày 13 – 3 – 2018 của Hội đồng định giá do Tòa án thành lập cụ thể là 35.000đ/m^2.

[4]. Về chi phí đo đạc và định giá: Tại phiên tòa hôm nay, bà L yêu cầu chia đều số tiền chi phí đo đạc và trích lục bản đồ địa chính mà bà đã tạm ứng cho các đồng thừa kế. Xét yêu cầu này của bà L là hoàn toàn có cơ sở và đúng pháp luật. Cụ thể: 6.253.053đ : 7 = 893.293đ/kỷ phần thừa kế, các kỷ phần thừa kế phải hoàn trả cho bà L số tiền tạm ứng chi phí đo đạc và trích lục bản đồ địa chính.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Khoản 2, khoản 5 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; Điều 144; khoản 1 Điều 147; Điều 165; Điều 208; Điều 227; Điều 235; Điều 246; khoản 2 Điều 244; Điều 271 và khoản 1 Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Điều 108; Điều 109; Điều 216; Điều 222; Điều 223; Điều 224; Điều 631; Điều 635; Điều 675; Điều 676 của Bộ luật dân sự năm 2005.

- Điều 6; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án lệ phí Tòa án.

+ Tuyên xử:

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của đồng nguyên đơn bà Huỳnh Thị Kim L, bà Huỳnh Thị M về việc hủy bỏ di chúc, phân chia tài sản thuộc sở hữu chung và chia thừa kế theo pháp luật.

1. Hủy bỏ di chúc do ông Huỳnh M, bà Nguyễn Thị T lập ngày 30 – 5 – 2015.

2. Phân chia cho bà Huỳnh Thị Thu T được quyền sử dụng thửa đất số 1090 tờ bản đồ địa chính số 26 xã Phước S có diện tích là 242m^2 và toàn bộ tài sản trên đất gồm hàng rào lưới B40 trụ gỗ, cao 2m (từ điểm số 21 đến điểm số 1 là 1,82m x 284.000đ/m = 516.880đ) và giàn dây thép không có trụ (cụ thể 2,42kg x 4.000đ/kg = 9.680đ). Buộc ông Huỳnh Phi H là người đang trực tiếp quản lý, sử dụng thửa đất, tài sản trên đất có trách nhiệm giao lại cho bà Huỳnh Thị Thu T.

Vị trí tứ cận: Đông giáp thửa 1089; Tây giáp đường đi; Nam giáp mương nước; Bắc giáp mương nước (Theo trích lục bản đồ địa chính số 2565 ngày 22 – 10 – 2018). Bà T có trách nhiệm liên hệ cơ quan có thẩm quyền đăng ký quyền sử dụng đất theo quy định của pháp luật.

3. Phân chia cho bà Huỳnh Thị Lệ H được quyền sử dụng thửa đất số 1089 tờ bản đồ địa chính số 26 xã Phước S có diện tích là 242m^2 và toàn bộ tài sản trên đất gồm hàng rào lưới B40 trụ gỗ, cao 2m (từ điểm số 1 đến điểm số 2 là 1,86m x 284.000đ/m = 528.240đ) và giàn dây thép không có trụ (cụ thể 2,42kg x 4.000đ/kg = 9.680đ). Buộc ông Huỳnh Phi H, bà Nguyễn Thị L là người đang trực tiếp quản lý, sử dụng thửa đất, tài sản trên đất có trách nhiệm giao lại cho bà Huỳnh Thị Lệ H.

Vị trí tứ cận: Đông giáp thửa 1088; Tây giáp đường đi; Nam giáp thửa 1090; Bắc giáp mương nước (Theo trích lục bản đồ địa chính số 2565 ngày 22 – 10 – 2018). Bà H có trách nhiệm liên hệ cơ quan có thẩm quyền đăng ký quyền sử dụng đất theo quy định của pháp luật.

4. Phân chia cho bà Huỳnh Thị D được quyền sử dụng thửa đất số 1088 tờ bản đồ địa chính số 26 xã Phước S có diện tích là 242m^2 và được quyền sở hữu toàn bộ tài sản trên đất gồm hàng rào lưới B40 trụ gỗ, cao 2m (từ điểm số 2 đến điểm số 3 là 3,67m x 284.000đ/m = 1.042.280đ) và giàn dây thép không có trụ (cụ thể 2,42kg x 4.000đ/kg = 9.680đ). Buộc ông Huỳnh Phi H, bà Nguyễn Thị L là người đang trực tiếp quản lý, sử dụng thửa đất, tài sản trên đất có trách nhiệm giao lại cho bà Huỳnh Thị D.

Vị trí tứ cận được xác định như sau: Đông giáp thửa 1087; Tây giáp đường đi; Nam giáp thửa 1089; Bắc giáp mương nước (Theo trích lục bản đồ địa chính số 2565 ngày 22 – 10 – 2018). Bà D có trách nhiệm liên hệ cơ quan có thẩm quyền đăng ký quyền sử dụng đất theo quy định của pháp luật.

5. Phân chia cho bà Huỳnh Thị Lệ M được quyền sử dụng thửa đất số 1087 tờ bản đồ địa chính số 26 xã Phước S có diện tích là 242m^2 và toàn bộ tài sản trên đất gồm hàng rào lưới B40 trụ gỗ, cao 2m (từ điểm số 3 đến điểm số 4 là 3,72m x 284.000đ/m = 1.056.480đ) và giàn dây thép không có trụ (cụ thể 2,42kg x 4.000đ/kg = 9.680đ). Buộc ông Huỳnh Phi H là người đang trực tiếp quản lý, sử dụng thửa đất, tài sản trên đất có trách nhiệm giao lại cho bà Huỳnh Thị Lệ M.

Vị trí tứ cận: Đông giáp thửa 1086; Tây giáp đường đi; Nam giáp thửa 1088; Bắc giáp mương nước (Theo trích lục bản đồ địa chính số 2565 ngày 22 – 10 – 2018). Bà M có trách nhiệm liên hệ cơ quan có thẩm quyền đăng ký quyền sử dụng đất theo quy định của pháp luật.

6. Phân chia cho bà Huỳnh Thị M được quyền sử dụng thửa đất số 1086 tờ bản đồ địa chính số 26 xã Phước S có diện tích là 243m^2 và toàn bộ tài sản trên đất gồm hàng rào lưới B40 trụ gỗ, cao 2m (từ điểm số 4 đến điểm số 5 là 3,78m x 284.000đ/m = 1.073.520đ) và giàn dây thép không có trụ (cụ thể 2,43kg x 4.000đ/kg = 9.720đ). Buộc ông Huỳnh Phi H, bà Nguyễn Thị L là người đang trực tiếp quản lý, sử dụng thửa đất, tài sản trên đất có trách nhiệm giao lại cho bà Huỳnh Thị M.

Vị trí tứ cận: Đông giáp thửa 1085; Tây giáp đường đi; Nam giáp thửa 1087; Bắc giáp mương nước (Theo trích lục bản đồ địa chính số 2565 ngày 22 – 10 – 2018). Bà M có trách nhiệm liên hệ cơ quan có thẩm quyền đăng ký quyền sử dụng đất theo quy định của pháp luật.

7. Phân chia cho bà Huỳnh Thị Kim L được quyền sử dụng thửa đất số 1085 tờ bản đồ địa chính số 26 xã Phước S có diện tích là 243m^2 và được quyền sở hữu toàn bộ tài sản trên đất gồm hàng rào lưới B40 trụ gỗ, cao 2m (từ điểm số 5 đến điểm số 6 là 3,67m x 284.000đ/m = 1.042.280đ) và giàn dây thép không có trụ (cụ thể 2,43kg x 4.000đ/kg = 9.720đ). Buộc ông Huỳnh Phi H, bà Nguyễn Thị L là người đang trực tiếp quản lý, sử dụng thửa đất, tài sản trên đất có trách nhiệm giao lại cho bà bà Huỳnh Thị Kim L.

Vị trí tứ cận được xác định như sau: Đông giáp thửa 1085; Tây giáp đường đi; Nam giáp thửa 1086; Bắc giáp mương nước (Theo trích lục bản đồ địa chính số 2565 ngày 22 – 10 – 2018). Bà L có trách nhiệm liên hệ cơ quan có thẩm quyền đăng ký quyền sử dụng đất theo quy định của pháp luật.

8. Phân chia cho ông Huỳnh Phi H được quyền sử dụng thửa đất số 1084 tờ bản đồ địa chính số 26 xã Phước S có diện tích là 243m^2. Ông H có trách nhiệm liên hệ cơ quan có thẩm quyền đăng ký quyền sử dụng đất theo quy định của pháp luật.

Vị trí tứ cận: Đông giáp thửa 224; Tây giáp đường đi; Nam giáp thửa 1085; Bắc giáp mương nước (Theo trích lục bản đồ địa chính số 2565 ngày 22 – 10 – 2018).

9. Buộc bà Huỳnh Thị Kim L phải hoàn lại giá trị tài sản cho vợ chồng ông H, bà L số tiền là 1.052.000đ. Buộc bà Huỳnh Thị M phải hoàn lại giá trị tài sản cho vợ chồng ông H, bà L số tiền là 1.083.240đ. Buộc bà Huỳnh Thị Lệ M phải hoàn lại giá trị tài sản cho vợ chồng ông H, bà L số tiền là 1.066.160đ. Buộc bà Huỳnh Thị D phải hoàn lại giá trị tài sản cho vợ chồng ông H, bà L số tiền là 1.051.960đ. Buộc bà Huỳnh Thị Lệ H phải hoàn lại giá trị tài sản cho vợ chồng ông H, bà L số tiền là 537.920đ. Buộc bà Huỳnh Thị Thu T phải hoàn lại giá trị tài sản cho vợ chồng ông H, bà L số tiền là 526.560đ

10. Về án phí:

- Bà Huỳnh Thị Kim L phải chịu (243m^2 x 35.000đ/m^2 x 5%) = 425.250đ và 300.000đ án phí dân sự sơ thẩm đối với phần tài sản trên đất. Bà Huỳnh Thị M phải chịu (242m^2 x 35.000đ/m^2 x 5%) = 423.500đ án phí dân sự sơ thẩm và 300.000đ án phí dân sự sơ thẩm đối với phần tài sản trên đất. Bà L phải chịu án phí Dân sự sơ thẩm là 725.250đ và bà M phải chịu án phí Dân sự sơ thẩm là 723.500đ. Số tiền này được khấu trừ vào số 2.000.000đ tiền tạm ứng bà L, bà M đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0014505 ngày 04 tháng 10 năm 2017 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Ninh P. Hoàn lại cho bà L, bà M số tiền chênh lệch là 551.250đ tiền tạm ứng án phí.

- Bà Huỳnh Thị Lệ M phải chịu (242m^2 x 35.000đ/m^2 x 5%)= 423.500đ án phí dân sự sơ thẩm và 300.000đ án phí dân sự sơ thẩm đối với phần tài sản trên đất.

- Bà Huỳnh Thị D phải chịu (242m^2 x 35.000đ/m^2 x 5%)= 423.500đ án phí dân sự sơ thẩm và 300.000đ án phí dân sự sơ thẩm đối với phần tài sản trên đất.

- Bà Huỳnh Thị Lệ H phải chịu (242m^2 x 35.000đ/m^2 x 5%)= 423.500đ án phí dân sự sơ thẩm và 300.000đ án phí dân sự sơ thẩm đối với phần tài sản trên đất.

- Bà Huỳnh Thị Thu T phải chịu (242m^2 x 35.000đ/m^2 x 5%)= 423.500đ án phí dân sự sơ thẩm và 300.000đ án phí dân sự sơ thẩm đối với phần tài sản trên đất.

- Ông Huỳnh Phi H phải chịu (243m^2 x 35.000đ/m^2 x 5%) = 425.250đ án phí dân sự sơ thẩm.

11. Chi phí tố tụng:

- Buộc bà Huỳnh Thị Lệ M, ông Huỳnh Phi H, bà Huỳnh Thị M, bà Huỳnh Thị Thu T, bà Huỳnh Thị Lệ H, bà Huỳnh Thị D mỗi người phải hoàn trả cho bà Huỳnh Thị Kim L số tiền tạm ứng chi phí đo đạc định giá là 893.293đ.

"...Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành,quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự.

Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, các đương sự có mặt được quyền kháng cáo yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Ninh T xét xử phúc thẩm. Đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được giao cho họ hoặc được niêm yết.

(có trích lục bản đồ địa chính kèm theo)

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Ninh Thuận;
- VKSND huyện Ninh Phước;
- Chi cục THA DS huyện Ninh phước;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Vũ Thanh Long